

# **BÁO CÁO**

## **CƠ GIỚI HÓA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỈNH NAM ĐỊNH**

*Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nam Định*

### **1. Kết quả sản xuất và tình hình cơ giới hóa nông nghiệp**

#### **1.1. Về trồng trọt**

- Diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 193.249 ha, tăng 1,1% so với năm 2013; trong đó cây lương thực 159.265 ha, sản lượng lương thực đạt trên 956 ngàn tấn.

Diện tích lúa 154.959 ha, năng suất cả năm 121,27 tạ/ha, sản lượng lúa 937.640 tấn, tiếp tục là năm được mùa; trong đó lúa chất lượng cao 400.000 tấn, chiếm 43% tổng sản lượng.

- Đã thực hiện được 257 mô hình “cánh đồng mẫu lớn” với diện tích 12.468 ha (*tăng 107 mô hình so với năm 2013*), hiệu quả kinh tế ở các mô hình đều tăng so với sản xuất đại trà trên 10%; gieo sạ được trên 23.221 ha (*đạt 15%DT, tăng 6.125 ha so với năm 2013*). Đặc biệt đã thực hiện được một số mô hình liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất lúa và cây rau màu chế biến - xuất khẩu đạt hiệu quả cao, điển hình là 02 mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ lúa chất lượng cao giữa Tổng công ty lương thực miền Bắc và HTX Nam Thành - Nam Trực.

- Cơ giới hóa phát triển nhanh: Tỷ lệ cơ giới hoá khâu làm đất, tuốt lúa đạt 100%; khâu sạ hàng, thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp đạt 30%.

- Sản xuất vụ Đông tiếp tục được mở rộng: Đã gieo trồng được 15.463 ha (*tăng 3.046 ha so với năm 2013*) trong đó trên đất 2 lúa là 7.251 ha. Thị trường tiêu thụ sản phẩm khá thuận lợi, giá bán khá cao nên sản xuất vụ Đông cho hiệu quả kinh tế khá.

- Triển khai tích cực các nội dung của Dự án “Rừng và Đồng bằng”.

Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn, các hộ nông dân điều chỉnh cơ cấu giống và mùa vụ, tích cực ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và cơ giới hóa vào sản xuất, nhân rộng mô

hình "cánh đồng mẫu lớn". Đã triển khai 257 mô hình "cánh đồng mẫu lớn", với diện tích 12.468 ha, áp dụng gieo sạ được trên 23.221 ha (đạt 15% diện tích tăng 6.125ha so với năm 2013). Nhìn chung, hiệu quả kinh tế ở các mô hình cánh đồng mẫu lớn và gieo sạ đều tăng so với sản xuất đại trà từ 10 – 15%.

Cơ giới hóa trong sản xuất được mở rộng đã góp phần cải thiện điều kiện làm việc cho người nông dân, rút ngắn thời gian làm đất, gieo cấy, thu hoạch, tăng hiệu quả sản xuất. Tỷ lệ cơ giới hoá khâu làm đất, tuốt lúa đạt 100%; khâu sạ hàng, thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp đạt 30%.

*Sản xuất rau màu:* Tổng diện tích gieo trồng 35.873 ha, trong đó vụ Đông 12.417 ha, vụ Xuân 14.530 ha, vụ Hè Thu 8.926 ha. Nhìn chung, thị trường tiêu thụ thuận lợi, năng suất, sản lượng, giá bán của hầu hết các loại cây rau màu đều tương đương cùng kỳ năm trước.

Sản xuất vụ Đông 2014 - 2015 được khôi phục và mở rộng, diện tích đạt 15.463 ha, tăng 3.046 ha so với 2013, trong đó trên đất 2 lúa là 7.251 ha.

### ***1.2. Về Chăn nuôi***

Đến tháng 12/2014, toàn tỉnh có 10.114 trang trại, gia trại chăn nuôi, trong đó có 325 trang trại đạt tiêu chí mới.

Tổng đàn lợn 783.500 con, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 150.000 tấn, tăng 7,9% so với năm 2013. Đàn trâu, bò 39.630 con, sản lượng thịt 4.000 tấn, tăng 2,8% so với năm 2013. Đàn gia cầm 7.287.000 con, sản lượng thịt 16.000 tấn, tăng 6,9% so với năm 2013.

Cơ giới hóa trong chăn nuôi còn ở mức độ thấp, chủ yếu thực hiện ở khâu chế biến thức ăn và vệ sinh chuồng trại.

### ***1.3. Về Thủy sản***

Tổng sản lượng thủy sản cả năm ước đạt 110,4 nghìn tấn; tăng 9,5% so với năm 2013.

*Về nuôi trồng thủy sản:* Toàn tỉnh có 81 trại giống thủy sản (59 trại giống hải sản, 22 trại giống thủy sản nước ngọt). Các trại đã sản xuất được 10.265 triệu con

giống, trong đó giống nước ngọt 1.507 triệu con, giống mặn lợ 8.758 triệu con, đáp ứng cơ bản yêu cầu giống của các vùng nuôi.

Năm 2014, toàn tỉnh có 15.859 ha diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản, trong đó diện tích nuôi nước ngọt 9.408 ha và diện tích nuôi nước lợ 6.451 ha. Tổng sản lượng đạt 110,4 nghìn tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 65.900 tấn và sản lượng khai thác đạt 44.500 tấn.

*Về khai thác hải sản:* Toàn tỉnh có 2.658 tàu thuyền khai thác thủy sản với tổng công suất là 112.826 CV. Đã tổ chức được 38 đoàn, tổ, đội khai thác thủy sản với 1.198 tàu cá và 2.981 lao động.

Sản lượng khai thác hải sản ước đạt 41.400 tấn, trong đó khai thác mặn lợ đạt 39.490 tấn.

#### ***1.4. Sản xuất muối và ngành nghề nông thôn***

*Về sản xuất muối:* Năm 2014, diện tích sản xuất muối 644 ha bằng 96,1% diện tích năm 2013, sản lượng muối đạt 65.000 tấn, trong đó có 2.200 tấn muối sạch.

Sản xuất muối hầu như chưa được cơ giới hóa; Khâu chế biến muối được cơ giới hóa khoảng 50-60% được thực hiện tại các Công ty TNHH chế biến muối tinh và muối i ốt.

*Về Ngành nghề nông thôn:* Toàn tỉnh có 129 làng nghề với 310 cơ sở sản xuất, 52.000 hộ, 135.000 lao động (UBND tỉnh đã có quyết định công nhận 80 nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống).

Cơ giới hóa trong sản xuất ngành nghề nông thôn đạt từ 40 -70% tùy theo từng loại ngành nghề cụ thể.

## **2. Các loại hình tổ chức dịch vụ máy móc, thiết bị trong sản xuất nông nghiệp**

- Về Chế tạo, sản xuất máy và thiết bị dùng trong sản xuất nông nghiệp

Hiện nay, các Cơ sở chế tạo máy phục vụ nông nghiệp và ngành nghề nông thôn tại tỉnh Nam Định tập trung chủ yếu ở huyện Xuân Trường, một số Cơ sở sản xuất máy và thiết bị đã được Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối quyết định công bố có các sản phẩm được áp dụng Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày

14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ lãi suất cho vay. Tuy nhiên, sản phẩm chủ yếu: máy tuốt lúa; thiết bị làm đất: bánh lồng, dàn cày; một số máy ra hạt đậu nành, lạc; máy chế biến lương thực, thực phẩm,... chưa có các máy động lực và các máy móc yêu cầu độ chính xác cao.

- Về tổ chức dịch vụ sử dụng máy trong sản xuất nông nghiệp

Hiện toàn tỉnh có 03 Công ty cổ phần cơ khí nông nghiệp với tổng số máy kéo MTZ-50 là 47 chiếc, tổng công suất 2.350 HP, số còn lại do các Tổ dịch vụ cơ khí nông nghiệp hoặc các hộ cá nhân tại địa phương hoạt động theo phương thức nhận khoán hoặc đấu thầu diện tích làm đất, thu hoạch do HTX dịch vụ nông nghiệp làm trung gian điều tiết với các hộ nông dân.

*( Số liệu cụ thể về tình hình Cơ giới hóa nông nghiệp có Bảng phụ lục gửi kèm Báo cáo)*

### **3. Nhu cầu các khâu sản xuất cần áp dụng cơ giới hóa và các loại máy cần thiết để áp dụng**

- Khâu làm đất: cần áp dụng cơ giới hóa 100% với các loại máy có công suất từ 12HP trở lên, hiện còn rất nhiều máy loại 8HP cũ cần thay thế.

- Khâu thu hoạch: Hiện mức độ cơ giới hóa đạt 30%, từ năm 2015 trở đi nhu cầu cơ giới hóa tăng cao, ít nhất đến năm 2015 cần đạt 50% diện tích sản xuất lúa được thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp.

- Khâu gieo cấy: Từ 2015 đến năm 2020 nhu cầu cơ giới hóa khâu gieo cấy cần đạt từ 50% trở lên.

- Khâu sấy và bảo quản sau thu hoạch:

+ Khâu sấy nông sản trong nhân dân hiện nay vẫn chưa có nhu cầu rõ rệt, hiện nhu cầu sấy chỉ tập trung tại các cơ sở sản xuất giống và sản xuất lương thực hàng hóa (các doanh nghiệp).

+ Khâu bảo quản lạnh tiếp tục có nhu cầu ở các Hợp tác xã, doanh nghiệp để bảo quản giống khoai tây và một số rau quả.

### **4. Tình hình thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 68):**

#### ***4.1. Kết quả thực hiện Quyết định 68.***

##### ***a. Đặc điểm tình hình.***

Theo thống kê của tỉnh Nam Định: đối với cây lương thực tỷ lệ tổn thất sản lượng trong và sau thu hoạch của lúa là 11 – 13%; ngô 13-15%, tập trung ở các khâu thu hoạch, phơi sấy, bảo quản và xay xát, chế biến. Ngoài sự tổn thất về sản lượng, nông sản còn bị sụt giảm đáng kể về chất lượng như: nhiễm aflatoxin đối với ngô làm giá hạt thương phẩm bị giảm từ 10 đến 20%; gạo bị biến màu, giảm chất dinh dưỡng do không được làm khô kịp thời và đúng quy trình; đối với rau quả và thủy sản đánh bắt bị tổn thất hơn 20% cả về sản lượng và chất lượng (Nguồn: Điều tra của Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch).

Hàng năm, sản lượng nông sản của Tỉnh Nam Định bị tổn thất trong và sau thu hoạch là khá lớn; đối với lúa, ngô trên 100 ngàn tấn, rau củ quả trên 50 ngàn tấn và thủy sản trên 10 ngàn tấn. Một trong những giải pháp tích cực mà ngành nông nghiệp Nam Định đang phấn đấu là giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch tới mức thấp nhất bằng cách áp dụng hiệu quả cơ giới hóa và ứng dụng các kỹ thuật sơ chế, bảo quản tiên tiến.

##### ***b. Kết quả thực hiện.***

Ngày 23/9/2009 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 48/NQ-CP. Nghị quyết đã đưa ra các nhóm giải pháp hỗ trợ, ưu đãi nhằm hạn chế tối đa tổn thất sau thu hoạch nông, thủy sản, nâng cao hiệu quả sản xuất, ổn định đời sống, thu nhập của nông dân. Mục tiêu cụ thể là giảm mức tổn thất sau thu hoạch đối với lúa gạo từ 11-13% hiện nay xuống 5-6% vào năm 2020, với ngô từ 13-15% xuống 8-9%, rau quả và thủy sản từ 20% xuống dưới 10%. Một trong những nhóm giải pháp trên là Quyết định 68 của Thủ tướng Chính phủ.

Tỉnh đã chỉ đạo các ngành, chính quyền các cấp tuyên truyền thực hiện Nghị quyết 48/NQ-CP của Chính phủ và giao Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức triển khai các Quyết định 63, 65 trước đây và Quyết định 68 đến tận cơ sở, cụ thể:

- Rà soát các Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm có thể góp phần giảm tổn thất trong sản xuất nông nghiệp đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố sản phẩm của

Doanh nghiệp được áp dụng Quyết định 63, 65. Kết quả có 05 Doanh nghiệp được công nhận tại Quyết định số 2977/QĐ-BNN-CB ngày 26/11/2012, gồm: Cty TNHH Anh Khoa, XN cơ khí Minh Tiên, DNTN Tân Việt, Cty TNHH cơ khí Nhật Việt, Cty TNHH Tân Thiên Phú; địa chỉ xã Xuân Tiên - Xuân Trường; sản phẩm chủ yếu: Máy tuốt đập lúa, Máy bóc vỏ lạc, Máy tẽ ngô, Máy hút bùn sông hồ, Hệ thống sấy nông sản, Máy sàng, Máy trộn, Máy đập đậu tương, Thiết bị tạo khí oxy phục vụ nuôi trồng thủy sản, Hệ thống sấy nông sản.

- Tuyên truyền, hướng dẫn đến tận cơ sở về việc áp dụng Quyết định 68: UBND tỉnh Nam Định có Công văn số 432/UBND-VP3 về việc thực hiện Thông tư 28/2012/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2012 hướng dẫn thực hiện các quyết định 63, 65; Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Công văn số: 421/SNN-CCPTNT ngày 02/8/2012, số 29/SNN-CCPTNT ngày 14/01/2014 yêu cầu UBND, Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng kinh tế các huyện/ thành phố thuộc tỉnh triển khai đến tới thôn, đội sản xuất nội dung Quyết định 68.

- Đối với các Quyết định 63, 65 trước đây: Ngành nông nghiệp (giao Chi cục Phát triển nông thôn chủ trì) đã tổ chức Hội nghị phổ biến chính sách hỗ trợ kết hợp với việc trình diễn các máy nông nghiệp do Công ty máy kéo và máy nông nghiệp thuộc Tổng công ty máy động lực Việt Nam sản xuất, thành phần mời tham dự: Hội nông dân tỉnh, đại diện Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nam Định, đại diện các Ngân hàng thương mại nhà nước trong toàn tỉnh, các Phó chủ tịch UBND các xã và một số Tổ đội dịch vụ cơ khí nông nghiệp có khả năng đầu tư mở rộng hoạt động dịch vụ cơ khí nông nghiệp. Hội nghị tổ chức ngày 12/10/2012 tại Công ty CP- ĐT thương mại Đại Phú Quý - xã Liên Bảo, Vụ Bản.

#### ***4.2. Những khó khăn hạn chế.***

Đến nay, việc thực hiện Quyết định 68 tại Nam Định gặp một số khó khăn:

- Theo báo cáo của Chi cục Phát triển nông thôn, một số Chi nhánh Ngân hàng thương mại Nhà nước trên địa bàn tỉnh phản ánh chưa nhận được văn bản hướng dẫn thực hiện của Ngân hàng Nhà nước và Thông tư 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện

Quyết định số 68 của Thủ tướng Chính phủ. Mặt khác việc các Ngân hàng thương mại nhà nước không mặn mà với việc cho vay ưu tiên nên trong quá trình triển khai ở các địa phương gặp khó khăn, cụ thể:

+ Ý kiến của UBND xã Giao Xuân tại Văn bản số 37/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2012 gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh văn bản đã chuyển tới Bộ Nông nghiệp và PTNT (thực hiện Quyết định 63, 65);

+ Phản ánh của một số hộ dân mới đầu tư máy làm đất năm 2014 đối với Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Giao Thủy: Ngân hàng này trả lời không cho vay mua máy làm đất (trả lời không đúng với Điều I của Quyết định 68);

+ Ngày 08/6/2014 Chi cục PTNT đã làm việc với bộ phận tín dụng Ngân hàng nông nghiệp và PTNT huyện Ý Yên, sau khi đã viện dẫn đầy đủ nội dung các Quyết định 68 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 529/QĐ-NHNo-HSX ngày 06/6/2014 của Ngân hàng nông nghiệp và PTNT về việc cho vay vốn theo Quyết định 68. Tuy nhiên, đến nay các đối tượng được hưởng chính sách như quy định tại các Quyết định trên không nhận được sự hợp tác của các Ngân hàng thương mại nhà nước đã được Ngân hàng nhà nước chỉ định thực hiện Quyết định này.

- Với các máy móc với suất đầu tư không lớn: các Hộ dân, Tổ đội dịch vụ không muốn làm các thủ tục vay vốn hỗ trợ lãi suất do thủ tục cực kỳ phức tạp do các rào cản của Ngân hàng khi không muốn cho vay, dẫn đến tốn kém thời gian và hiệu quả thấp.

### **Đánh giá chung:**

Việc triển khai thực hiện Quyết định 68 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh đã làm kịp thời, đúng yêu cầu. Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa cao do các lý do nêu trên.

### **5. Đề xuất các giải pháp đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp và thực hiện Quyết định 68.**

- Khâu làm đất: Để đảm bảo chất lượng làm đất phải yêu cầu trang bị máy kéo có công suất từ 20HP trở lên do đồn điền đổi thửa, các mô hình cánh đồng mẫu lớn tăng nhanh và diện tích lúa thu hoạch bằng máy gặt đập ngày càng tăng.

- Khâu thu hoạch: Đầu tư máy gặt đập liên hợp, khuyến khích nông dân hoặc hỗ trợ đầu tư các máy gặt đập có xuất xứ Nhật Bản, Hàn Quốc.

- Khâu gieo cấy: Đầu tư áp dụng tại các địa phương các mô hình điể về gieo cấy mạ khay để tăng máy gieo cấy vào hoạt động.

**\* Đề nghị:**

- Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ cơ giới hóa; hỗ trợ trực tiếp bằng tiền (ít nhất 30% giá trị) cho người mua các loại máy móc cơ giới.

- Ngân hàng nhà nước cần chỉ đạo các Ngân hàng thương mại nhà nước thực hiện nghiêm chỉnh Quyết định số 68 về chính sách hỗ trợ lãi suất cho vay mua máy móc thiết bị nhằm giảm tổn thất trong sản xuất nông nghiệp.

- Đơn giản hóa các thủ tục để người dân dễ dàng tiếp cận với vốn vay ngân hàng.

Trên đây là tình hình cơ giới hóa trong nông nghiệp, ngành nghề nông thôn tỉnh Nam Định năm 2014 và tình hình thực hiện Quyết định số 68 tại tỉnh Nam Định. Sở Nông nghiệp và PTNT Nam Định trân trọng báo cáo./.

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NAM ĐỊNH**



**Bảng 1. Mức độ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông lâm nghiệp năm 2014**

Loại cây trồng: lúa

<b>TT</b>	<b>Khâu công việc</b>	<b>Mức độ cơ giới hóa (%)</b>
1	Làm đất	100
2	Gieo cấy	15
3	Tưới tiêu nước	100
4	Phun thuốc BVTV	5
5	Thu hoạch	30
6	Tuốt đập/Tách hạt	100
7	Vận chuyển	70
8	Sấy	0

**Bảng 2. Mức độ cơ giới hóa (%) các khâu công việc trong sản xuất chăn nuôi năm 2014**

<b>Khâu công việc</b>	<b>Loại vật nuôi</b>			
	Lợn	Bò	Trâu	Gà
Chuồng trại	0	0	0	30
Chế biến thức ăn	50	0	0	70
Thu gom phân	0	0	0	0
.....				

**Bảng 3. Mức độ cơ giới hóa các khâu công việc trong sản xuất muối năm 2014**

<b>TT</b>	<b>Khâu công việc</b>	<b>Mức độ cơ giới hóa (%)</b>
1	Cung cấp nước biển	0
2	Phủ bạt che mưa	0
3	Thu hoạch	0
	...	

**Bảng 4. Số máy sử dụng trong sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản và sản xuất muối năm 2014**

<b>TT</b>	<b>Loại máy</b>	<b>Số lượng (chiếc)</b>
1	Máy kéo công suất từ 35 mã lực (CV) trở lên	495
2	Máy kéo công suất 12 ÷ 35 CV	3.196
3	Máy kéo từ 12 CV trở xuống	1.760
4	Động cơ chạy xăng, dầu diezen	2.460
5	Máy tuốt lúa có động cơ	4.425
6	Máy sấy nông, lâm thủy sản	75
7	Máy chế biến lương thực: thóc, gạo,... (máy xay xát, phân loại, đánh bóng, ...)	3.902
8	Máy chế biến gỗ (ghi cụ thể máy cưa, phay, bào,...)	32.623
9	Máy phun thuốc trừ sâu có động cơ	163
10	Máy bơm nước dùng SXNLTS	8.023
11	Máy thu hoạch (lúa, mía, ngô,...)	367
12	Máy cấy lúa	7
13	Máy chế biến thức ăn gia súc (máy nghiền, máy trộn)	525
14	Máy chế biến thức ăn thô (máy băm, thái cỏ, máy đóng bánh rơm,...)	0
15	Máy móc, thiết bị trong nuôi trồng thủy sản	6.909
16	Máy chế biến thức ăn thủy sản (máy nghiền, máy ép đùn,...)	1.670
17	Tàu thuyền, xuồng đánh bắt thủy sản có động cơ	2.658
18	Máy cấp nước biển cho sản xuất muối	0
19	Phủ bạt che mưa ô kết tinh	0
20	Máy thu hoạch muối	0
21	Máy vận chuyển muối	0